

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH**về chính sách đối với người lao động dôi dư
do sắp xếp lại công ty nhà nước**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Công ty nhà nước, công ty thuộc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và tổ chức hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi chung là công ty nhà nước) thực hiện sắp xếp lại theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- a) Cổ phần hóa, giao, bán;
- b) Chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn;
- c) Giải thể, phá sản.

2. Nông trường quốc doanh thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh; lâm trường quốc doanh thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của

Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng là người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng, gồm:

1. Người lao động được tuyển dụng lần cuối cùng vào công ty quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 1 Nghị định này trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 (thời điểm thực hiện Chỉ thị số 20/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước), gồm:

a) Người lao động đang làm việc, khi sắp xếp lại, công ty nhà nước đã tìm mọi biện pháp tạo việc làm, nhưng không bố trí được việc làm;

b) Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của công ty nhà nước nhưng không có việc làm (đang chờ việc), tại thời điểm sắp xếp lại, công ty vẫn không bố trí được việc làm.

2. Người lao động được tuyển dụng lần cuối cùng vào công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định này trước ngày 26 tháng 4 năm 2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước).

3. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của nông, lâm trường quốc doanh quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, được tuyển dụng lần cuối cùng vào nông, lâm trường trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 (riêng người lao động của nông, lâm trường quốc doanh thực hiện giải thể thì thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng theo quy định tại khoản 2 Điều này), tại thời điểm sắp xếp lại, nông, lâm trường đã tìm mọi biện pháp tạo việc làm, nhưng không bố trí được việc làm và không thực hiện chế độ giao đất, giao rừng của nông, lâm trường.

Chương II

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 3. Người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

1. Tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lao động hoặc Tòa án quyết định mở thủ tục phá sản, nam từ đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật bảo hiểm xã hội.

2. Người lao động dôi dư theo khoản 1 Điều này có tuổi đời từ đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với

nữ, được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

a) 03 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không kể tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 của Luật bảo hiểm xã hội;

b) 05 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho 20 năm đầu làm việc có đóng bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có).

3. Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 của Luật bảo hiểm xã hội nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa 06 tháng để hưởng lương hưu thì được Nhà nước đóng một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng bằng tổng mức đóng hàng tháng của người lao động và người sử dụng lao động theo mức tiền lương, tiền công tháng trước khi nghỉ việc vào quỹ hưu trí và tử tuất để giải quyết chế độ hưu trí.

4. Các đối tượng còn lại thì thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ sau:

a) Trợ cấp 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, số tháng lẻ cộng dồn vào giai đoạn tiếp theo) thực tế làm việc (có đi làm, có tên trong bảng thanh toán lương) trong khu vực nhà nước (công ty 100%

vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang được hưởng lương từ ngân sách nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh), không kể thời gian người lao động đã nhận trợ cấp thôi việc, mất việc làm, nhưng thấp nhất cũng bằng 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có);

b) Được hỗ trợ thêm 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, số tháng lẻ cộng dồn vào giai đoạn tiếp theo) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước;

c) Được hưởng 06 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) để đi tìm việc làm;

d) Người lao động có nguyện vọng học nghề thì được đào tạo tối đa 06 tháng tại các cơ sở dạy nghề theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng thì chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ sau:

1. Trợ cấp 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, không kể thời gian người lao động đã nhận trợ cấp thôi việc, mất việc làm.

2. Trợ cấp 70% tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) ghi trong hợp đồng lao động cho số tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, nhưng tối đa cũng không quá 12 tháng; trường hợp mức trợ cấp này thấp hơn mức tiền lương tối thiểu tại thời điểm nghỉ việc thì được tính bằng mức tiền lương tối thiểu.

Điều 5. Người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này nếu được tuyển dụng lại vào công ty, nông, lâm trường đã cho thôi việc thì phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận.

Trường hợp được tuyển dụng vào công ty, nông, lâm trường, cơ quan nhà nước khác thuộc khu vực nhà nước hoặc khi được nông, lâm trường giao đất, giao rừng thì phải trả lại số tiền trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

Công ty, nông, lâm trường, cơ quan thuộc khu vực nhà nước tuyển dụng lại người lao động dôi dư hoặc nông, lâm trường giao đất, giao rừng có trách nhiệm thu lại số tiền nêu trên từ người lao động và nộp vào Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Điều 6. Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ để tính các chế độ:

1. Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ để tính các chế độ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này được tính bằng mức bình quân tiền

lương, phụ cấp lương (nếu có) của 05 năm cuối trước khi nghỉ việc. Trường hợp không đủ 05 năm thì được tính bằng mức bình quân tiền lương, phụ cấp lương (nếu có) của các năm đã làm việc trong khu vực nhà nước.

Hệ số tiền lương và phụ cấp lương trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp; từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước.

2. Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ để tính các chế độ theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 4 Nghị định này là tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) theo thang, bảng lương nhà nước, được

tính theo từng giai đoạn điều chỉnh hệ số tiền lương.

Hệ số tiền lương để tính chế độ cho giai đoạn trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 là hệ số bình quân của 06 tháng liền kề đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2004 theo Nghị định số 25/CP và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ nói trên; giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi là hệ số bình quân của 06 tháng liền kề đến thời điểm nghỉ việc theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ nói trên.

3. Tiền lương tối thiểu để tính chế độ cho giai đoạn trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 là: 210.000 đồng; giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 là: 290.000 đồng, giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 là: 350.000 đồng; giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 đến trước thời điểm điều chỉnh tiền lương tối thiểu tiếp theo là: 450.000 đồng.

Tiền lương tối thiểu do Chính phủ quyết định điều chỉnh trong các giai đoạn tiếp theo được áp dụng để tính chế độ cho người lao động dôi dư tương ứng với mỗi giai đoạn điều chỉnh đó.

4. Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ tính chế độ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 và khoản 2

Điều 4 Nghị định này là tiền lương theo thang, bảng lương nhà nước, được tính tại thời điểm nghỉ việc.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước và nông, lâm trường quốc doanh.

1. Đối với công ty nhà nước thực hiện cổ phần hóa, bán doanh nghiệp, nguồn kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp. Trường hợp không đủ thì được bổ sung từ:

- Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đối với công ty trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; toàn bộ tổng công ty, toàn bộ tập đoàn, công ty mẹ.

- Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ đối với công ty trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ. Trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

2. Đối với công ty nhà nước thực hiện giải thể, phá sản, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn; các nông, lâm trường quốc doanh quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí do:

- Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chi đối với công ty thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; toàn bộ tổng công ty, toàn bộ tập đoàn, công ty mẹ;

- Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chi đối với doanh nghiệp thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm chi trả các chế độ đối với người lao động dôi dư

1. Công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh chịu trách nhiệm giải quyết chế độ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 4 Nghị định này; các đối tượng khác không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này bằng Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm. Trường hợp không đủ thì được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Quỹ Bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội

theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các quy định của Nghị định này.

3. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo phân cấp tại Điều 7 Nghị định này chịu trách nhiệm chi trả:

a) Các chế độ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm b, c và d khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

b) Số tiền mà Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này (nếu có).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh:

1. Xây dựng phương án sử dụng lao động, xác định số lao động cần thiết theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh và phương án giải quyết lao động dôi dư.

2. Phối hợp với tổ chức công đoàn tại công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ trong công ty, nông, lâm trường; công khai phương án sắp xếp lao động và danh sách lao động thuộc diện dôi dư.

3. Giải quyết chính sách, chế độ đối

với người lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định này; thực hiện chi trả và quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết chế độ đối với người lao động dôi dư do công ty, nông, lâm trường tuyển dụng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này bằng nguồn kinh phí của công ty, nông, lâm trường.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với người lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định này;

- Tham gia với các cơ quan liên quan về sắp xếp lao động trong phương án sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh;

- Định kỳ tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính:

- Lập kế hoạch nguồn vốn và trình Thủ tướng Chính phủ các biện pháp bảo đảm nguồn vốn cho giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư;

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chi trả của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp cho giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư;

- Định kỳ tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

3. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ.

- Thẩm định và thực hiện xuất quỹ cho các công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh và các đơn vị thuộc trách nhiệm chi trả của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp cho giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư;

- Theo dõi, kiểm tra việc chi trả trợ cấp, quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp của các đơn vị thuộc trách nhiệm chi trả của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;

- Định kỳ quyết toán và báo cáo Bộ Tài chính việc quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

- Hướng dẫn việc thu bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định này;

- Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập:

- Chỉ đạo các công ty, nông, lâm trường thuộc phạm vi quản lý xây dựng phương án sắp xếp lao động và thực hiện chính sách, chế độ đối với người lao động dôi dư;

- Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư theo nguyên tắc một lần để thực hiện đối với từng công ty, nông, lâm trường quy định tại Điều 1 Nghị định này;

- Thành lập tổ chức để giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư ở công ty thực hiện giải thể, phá sản và nông, lâm trường thực hiện giải thể;

- Định kỳ báo cáo Chính phủ qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tình hình giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư.

Điều 11. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Tham gia với các cơ quan nhà nước hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người lao động dôi dư.

2. Chỉ đạo Công đoàn các cấp phối hợp với Thủ trưởng đơn vị tuyên truyền, giải

thích cho người lao động về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để thực hiện các chế độ đối với người lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

3. Ban hành cơ chế giám sát của tổ chức Công đoàn từ Trung ương tới cơ sở trong việc tổ chức thực hiện chế độ đối với người lao động dôi dư.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2010.

2. Các công ty nhà nước; nông, lâm trường quốc doanh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2007 số 07/2007/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2007.

Các chức danh: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát ở các doanh nghiệp sắp xếp lại nhưng không tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp đó hoặc ở khu vực nhà nước thì thực hiện theo điểm 2 Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2007 số 07/2007/NQ-CP ngày 06 tháng 02

năm 2007 đến khi có quy định mới của Chính phủ.

Điều 13. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh

tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng